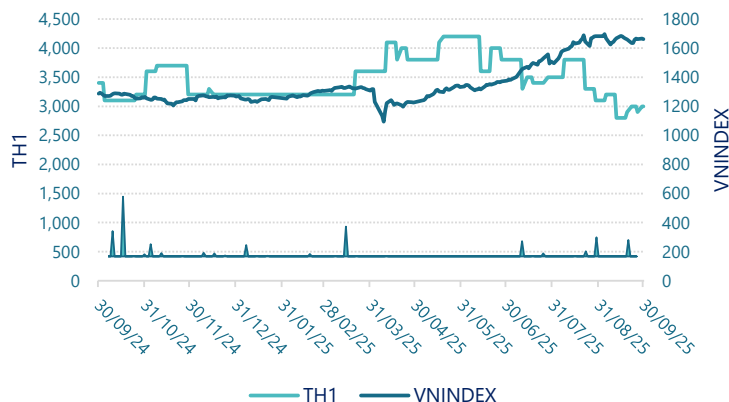




CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (UPCOM: TH1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	13,539,226
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,465
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
P/E	4.7
EPS	639

DT thuần

Q3/25

425

tỷ VNĐ

QoQ: ▼56.0| -11.7%

YoY: ▲282| 197%

LN sau thuế

Q3/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲18.1| 313%

YoY: ▲3.79| 44.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.4%

+/- YoY: ▼3.0%

DT thuần

9T 2025

1,209

tỷ VNĐ

YoY: ▲719| 147%

LN sau thuế

9T 2025

13.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.9| -51.0%

ROE

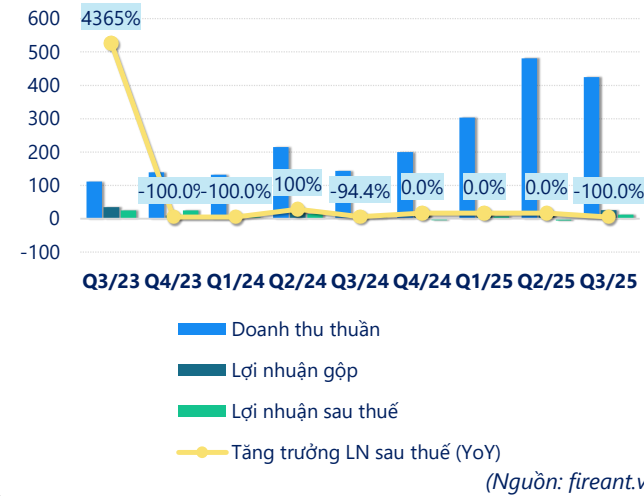
Q3/25

21.0%

+/- YoY: ▼481%

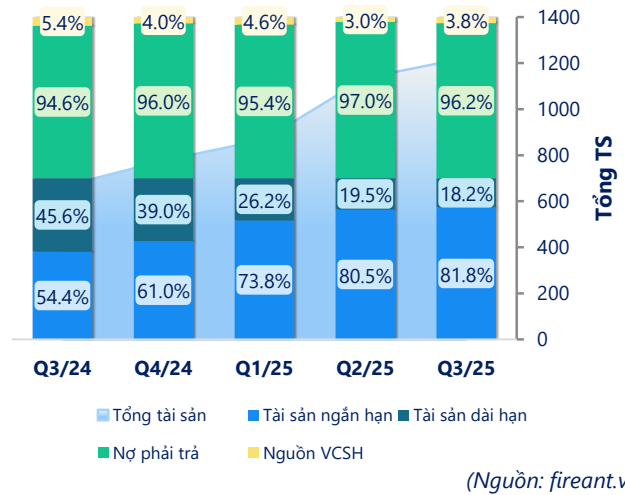
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

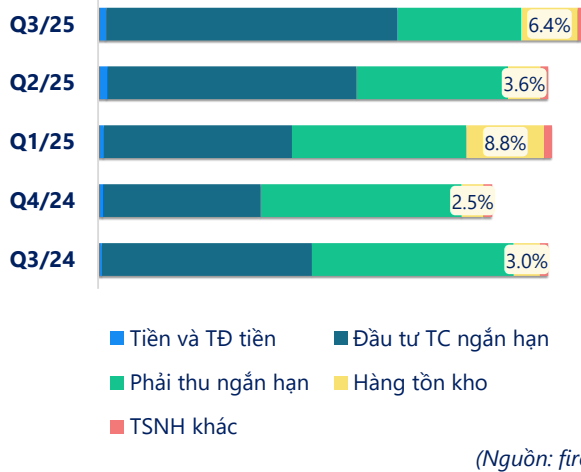


Cơ cấu Tổng tài sản

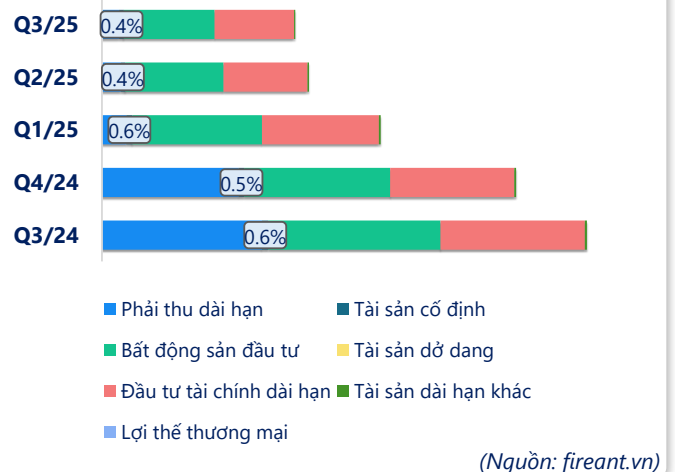
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

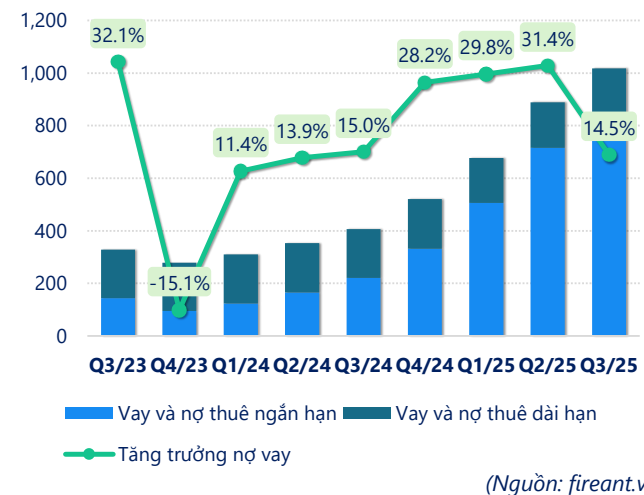


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



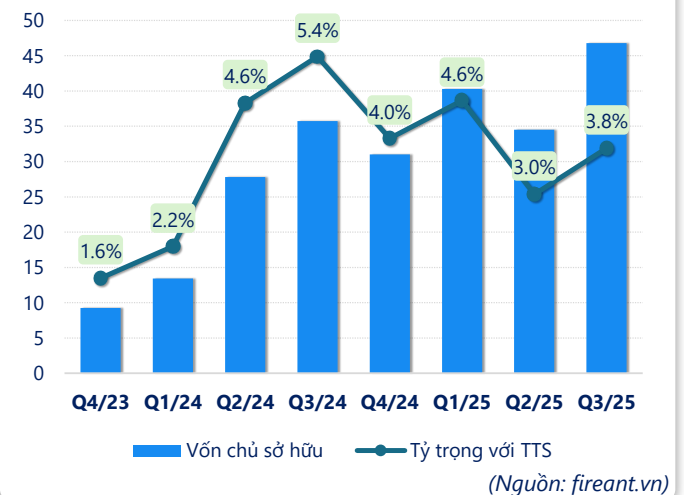
tỷ VNĐ

Nợ vay

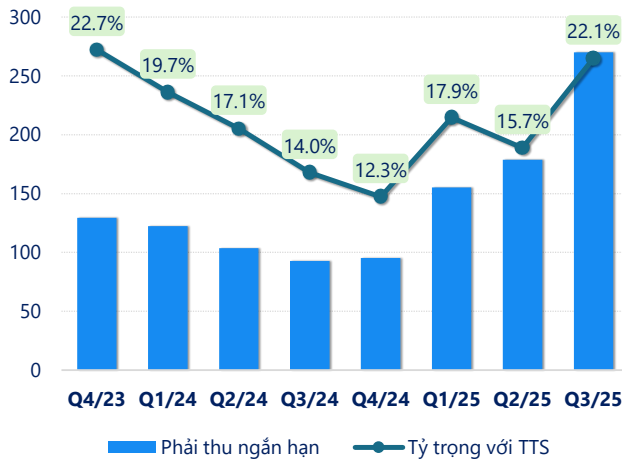


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

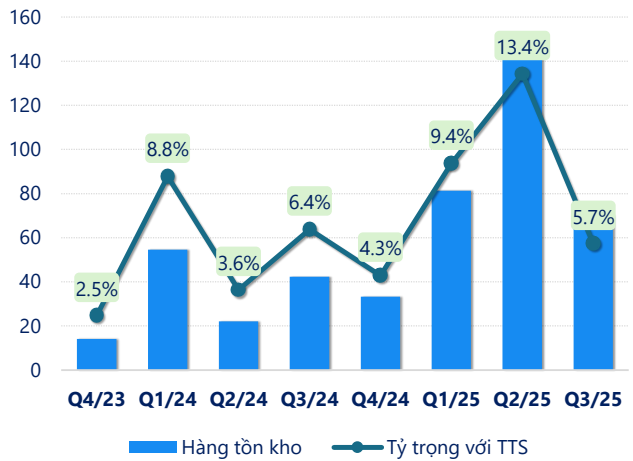


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


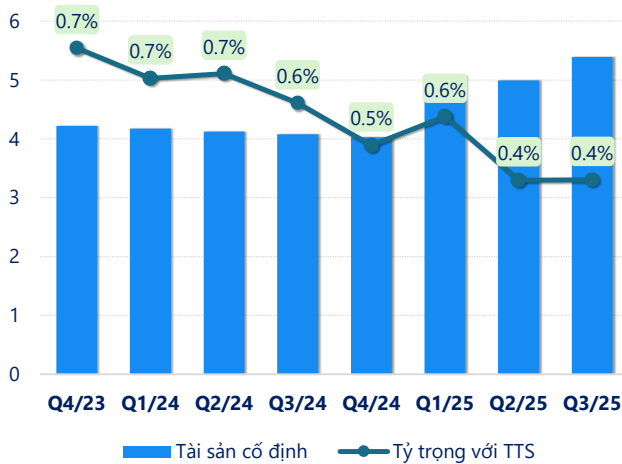
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


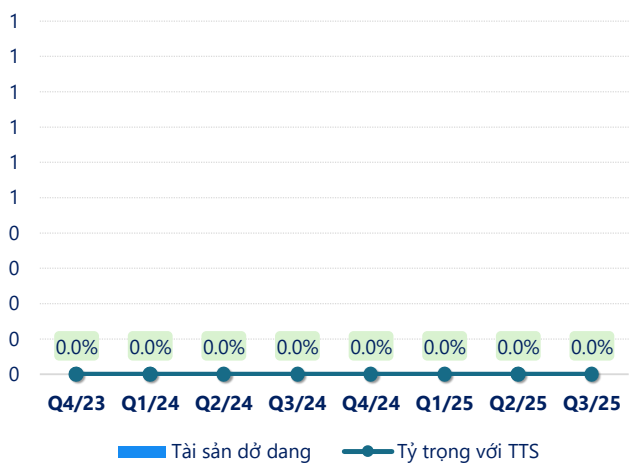
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

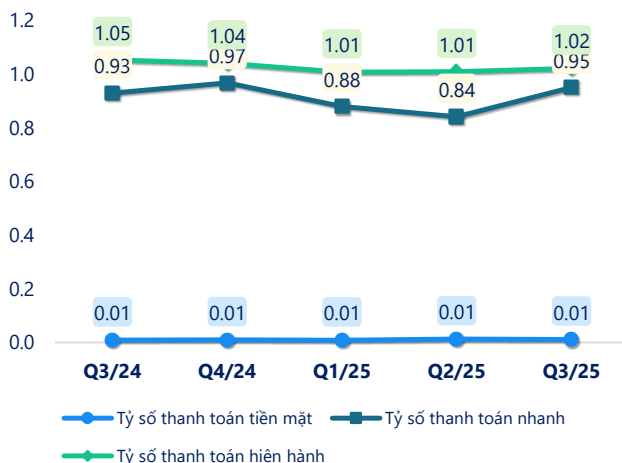
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

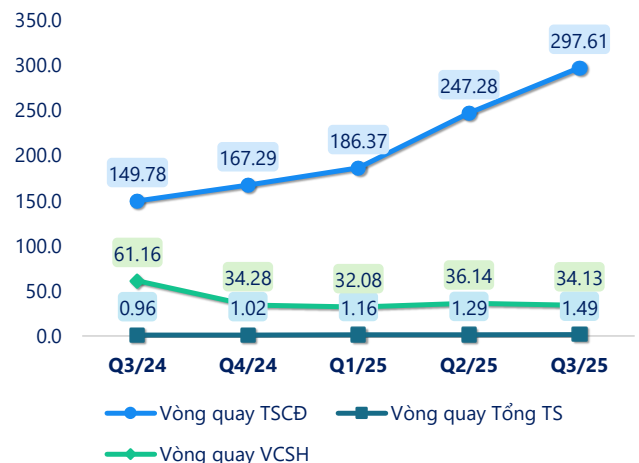
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	663	776	868	1,135	1,223
Tài sản ngắn hạn	361	474	641	914	1,001
Tiền và tương đương tiền	2.87	4.31	5.26	11.6	11.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	336	395	567	631
Phải thu ngắn hạn	92.7	95.3	155	179	270
Hàng tồn kho	42.3	33.3	81.3	152	70.1
Tài sản ngắn hạn khác	5.18	4.84	4.53	4.52	18.3
Tài sản dài hạn	302	302	228	221	222
Phải thu dài hạn	99.8	99.8	19.8	19.8	19.8
Tài sản cố định	4.07	4.03	5.07	4.99	5.39
Bất động sản đầu tư	107	107	106	105	104
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	90.0	90.7	95.6	89.5	91.4
Tài sản dài hạn khác	1.28	1.33	1.23	1.36	1.31
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	628	745	828	1,100	1,176
Nợ ngắn hạn	343	456	636	906	980
Vay và nợ thuê ngắn hạn	221	332	506	715	843
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	17.0	22.2	72.3	22.3
Nợ dài hạn	285	290	192	195	197
Vay và nợ thuê dài hạn	185	189	171	174	175
Nguồn vốn chủ sở hữu	35.7	31.0	40.3	34.5	46.8
Vốn chủ sở hữu	35.7	31.0	40.3	34.5	46.8
Vốn điều lệ	135	135	135	135	135
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)